TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2018.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh.

2. Ông Đoàn Văn Lắm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13/3/2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/7/2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh L, sinh năm 1978 (có mặt).

Đăng ký thường trú: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Thanh L trình bày: Chị L và anh P do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2010. Sau khi kết hôn chị và anh P sống chung với gia đình ruột anh P tại ấp T, xã H, huyện M và sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì mất hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do anh P thường hay nhậu nhẹt, cờ bạc, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ chửi mắng và

đánh chị nhiều lần, gần đây nhất là khoảng tháng 10 năm 2017 (âl) anh P tiếp tục có hành vi đánh chị nên sau đó đến tháng 01 năm 2018 (dl) chị đã về nhà gia đình ruột ở ấp Đ, xã V, huyện C sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 (dl) cho đến nay; thời gian ly thân, chị và anh P có gặp nhau nhưng anh P chỉ kiếm chuyện chửi bới mà không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: thời gian sống chung, chị và anh P có 02 con chung tên là Huỳnh Trọng H, sinh ngày 28/7/2010 và Huỳnh Thiên A, sinh ngày 22/3/2014, từ khi ly thân cháu H và cháu A sống với chị tại ấp Đ, xã V, huyện C, nhưng anh P đã rước cháu A về nhà anh P ở ấp T, xã H thời gian là khoảng 05 ngày sau khi vợ chồng ly thân (tháng 01 năm 2018) cho đến nay và chưa giao lại cháu A cho chị trông nom, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, chị đang làm công việc may gia công tại tiệm may của em ruột chị tại ấp Đ, xã V, ngoài ra còn làm cây giống kiếm thu nhập nên có đủ điều kiện nuôi con. Chị không đồng ý cho anh P nuôi con vì anh P thường hay nhậu nhẹt, đánh đập vợ và không quan tâm chăm sóc con.

Về tài sản chung: có một số cây cam con và mít con trồng trên diện tích đất khoảng 02 công (2000m^2) của người anh bà con bên chồng nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Về nợ chung: không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Huỳnh Văn P trình bày: về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình kết hôn và sinh sống của vợ chồng bên gia đình anh là đúng. Tuy nhiên, vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường hay cãi vã nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong việc tạo lập kinh tế gia đình dẫn đến mất hạnh phúc, anh không có tham gia cờ bạc, không có thường xuyên nhậu nhẹt hay đánh đập chị L, vợ chồng chỉ có xô xát trong lúc vợ chồng cãi vã nhau. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, chị L đã đưa 02 con về nhà gia đình ruột chị L sinh sống nhưng cha mẹ ruột chị L đã chết nên hiện chị L đang sống chung với các em ruột của chị L, cũng trong tháng 01 năm 2018 anh đã rước cháu A về nhà mẹ ruột anh để trông nom, chăm sóc. Thời gian ly thân, anh và chị L có gặp nhau nhưng không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay chị L cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý vì anh xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau.

Về con chung: sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thiên A, sinh ngày 22/3/2014, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Huỳnh Trọng H, sinh ngày 28/7/2010 thì anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con, anh làm nghề mua bán trái cây, đồ hàng bông và làm cây giống nên có đủ thu nhập nuôi con, anh là con trai út sống chung nhà với mẹ ruột (do cha ruột đã chết) và có đất canh tác (được mẹ ruột cho quản lý, sử dụng khoảng 2000m^2 đất) nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, còn các anh chị khác đều đã có gia đình tư riêng và sinh sống ở nơi khác. Anh không đồng ý cho chị L nuôi con vì chị L không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập kinh tế đủ để nuôi con, không có nhà ở ổn định mà đang ở chung nhà với những người em ruột, em rễ và em dâu của chị L nên ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc con, ngoài ra chị L không quan tâm chăm sóc con mà bỏ bê con thường xuyên do bận công việc làm.

Về tài sản chung: có một số cây cam con và mít con trồng trên đất khoảng 02 công (2000m^2) của người anh bà con của anh nhưng anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh L và anh Huỳnh Văn P; về con chung: chị L được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Trọng H, sinh ngày 28/7/2010; anh P được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thiên A, sinh ngày 22/3/2014, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị L, anh P không yêu cầu; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thanh L và anh Huỳnh Văn P do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2010. Xét thấy, hôn nhân của chị L và anh P đã tuân thủ đầy đủ

các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Sau khi kết hôn, chị L và anh P có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L và anh P đều cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà lại bỏ mặc nhau và anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau nên căn cứ vào Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh P là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: chị L và anh P có 02 con chung là cháu Huỳnh Trọng H, sinh ngày 28/7/2010 và Huỳnh Thiên A, sinh ngày 22/3/2014. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung, còn anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy: đối với cháu Huỳnh Trọng H thì chị L và anh P đều thống nhất để chị L trực tiếp nuôi, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; xét thấy sự thỏa thuận này của chị L và anh P là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với cháu Huỳnh Thiên A thì chị L và anh P đều có yêu cầu được trực nuôi cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời khai của chị L và anh P có cơ sở xác định: từ thời điểm tháng 01 năm 2018 cho đến nay chị L và anh P đã ly thân nhau, thời điểm này cháu A đã sống chung với anh P tại nhà mẹ ruột của anh P ở ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre cho đến nay. Ngoài ra, căn cứ vào tài liệu do anh P cung cấp là "Đơn xin xác nhận" đề ngày 24/4/2018 (có xác nhận của Trưởng ấp T và Ủy ban nhân dân xã H) có căn cứ xác định: anh P có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hơn nữa, lý do chị L không đồng ý cho anh P nuôi con là vì chị cho rằng anh P thường hay nhậu nhẹt, đánh đập vợ và không quan tâm chăm sóc con; tuy nhiên, tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa thì anh P không thừa nhận việc này và cho rằng vợ chồng chỉ có xô xát khi vợ chồng anh cãi vã nhau; chị L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh P không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A; mặt khác, tại phiên tòa anh P cũng khẳng định là đảm bảo cho chị L được thăm non con thường xuyên, hoàn toàn không ngăn cản chị L trong việc thăm nom, chăm sóc con, đối với việc rước con về bên gia đình ruột chị L thì anh cũng đồng ý cho chị L rước con và phải bảo đảm cho con được chăm sóc tốt về vật chất cũng như đảm bảo về sức khỏe.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, cháu Huỳnh Thiên A, sinh ngày 22/3/2014 đã sống chung với anh P, đồng thời anh P cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A như: các điều kiện đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và sự phát triển tốt về tinh thần, cũng như đảm bảo việc học hành cho cháu A nên Hội đồng xét xử giao cháu A cho anh P được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014. Việc anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: chị L và anh P đều trình bày là không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: chị L và anh P đều trình bày là không có nên không đề cập.

[8] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu do chị L yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Thanh L và anh Huỳnh Văn P.

Về nuôi con chung: chị Trần Thị Thanh L được trực tiếp nuôi con là cháu Huỳnh Trọng H, sinh ngày 28/7/2010, hiện cháu H đang sống chung với chị L; anh Huỳnh Văn P được trực tiếp nuôi con là cháu Huỳnh Thiên A, sinh ngày 22/3/2014, hiện cháu A đang sống chung với anh P; chị L, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh chị đều không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị L và anh P đều trình bày là không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: chị L và anh P đều trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009162 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng Kiểm tra NV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt